

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HC-ST

Ngày: 26/11/2018

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính về việc xử phạt vi phạm
hành chính và giải quyết khiếu
nại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Luật;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Đức Thành;
2. Ông Đặng Xuân Văn.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 50/2018/TLST-HC ngày 12 tháng 10 năm 2018 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính về việc xử phạt vi phạm hành chính và giải quyết khiếu nại”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐXXST-HC ngày 06/11/2018, giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Ông Đặng Huy A, sinh năm 1971. Địa chỉ: Đường H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Bà Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1966; địa chỉ: Đường G, phường M, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 4043, quyền số 02 (1)-SCT/CK,CD ngày 26/10/2018 của UBND phường P, thành phố T). Có mặt.

2. **Người bị kiện:** Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ: Đường Q, phường M, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Bình Dương: Bà Nguyễn Thu C – Phó Chủ tịch UBND thành phố T, là người đại diện theo ủy

quyền (Văn bản ủy quyền số 3088/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T). Có đơn xin vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1966; địa chỉ: Đường G, phường M, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện ông Đặng Huy A là bà Nguyễn Ngọc B trình bày:*

Ngày 07/11/2017, UBND phường N có mời bà B lên làm việc và yêu cầu bà B tháo dỡ phần xây dựng, sửa chữa trả lại hiện trạng đất đang tranh chấp.

Phần đất này ông Đặng Huy A được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 926133, số vào sổ CH03216 ngày 26/9/2014 với diện tích 720,8 m² (trong đó 160m² đất ở và 560,8 m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất 131, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại phường Phú Thọ, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Khu đất này là phần diện tích đất được tách từ khu đất tổng diện tích 2522,8 m² tọa lạc tại phường N, thành phố T.

Ngày 14/12/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã thụ lý vụ án số 101/2016/TLST-DS theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, trong đó có nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Bà Nguyễn Ngọc B, ông Nguyễn Văn Ph với ông Đặng Huy A được Văn phòng công chứng D công chứng số 1468, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/7/2013 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 926133, số vào sổ CH03216 ngày 26/9/2014 với diện tích 720,8m² nêu trên. Ngày 26/9/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã giải quyết bằng Bản án số 05/2018/DS-ST, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Ngày 01/11/2017, bà Nguyễn Thị H có gửi đơn đến UBND phường N trình báo yêu cầu kiểm tra xử lý việc Bà Nguyễn Ngọc B xây dựng, sửa chữa nhà trên khu đất có tranh chấp đang được Tòa án thụ lý giải quyết.

Ngày 08/11/2017, bà B đã tự tháo dỡ toàn bộ phần diện tích đã xây dựng, sửa chữa. Ngày 20/11/2017, bà B gửi đơn đến UBND phường N và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về việc xin được tiếp tục tiến hành sửa chữa nhà ở với lý do trong mùa mưa và lý do sinh hoạt hàng ngày (con bà B mới sinh, cần phòng để ở).

Ngày 23/11/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương phối hợp với UBND phường N tiến hành xác minh hiện trạng và công trình xây dựng trên khu đất tranh chấp theo đơn kiến nghị của bà B. Kết quả: Hiện trạng đất trống.

Ngày 04/12/2017, bà H tiếp tục gửi đơn yêu cầu xử lý việc bà B tiếp tục xây dựng sửa chữa trên phần đất tranh chấp.

Trong quá trình thuê nhà của ông A bà B có sửa chữa lại căn bếp với diện tích 17,5 m², kết cấu móng gạch, vách gạch, mái toilet do mưa bão đã làm sập toàn bộ nhà bếp cũ. Việc bà B sửa chữa có báo cho ông A biết và ông A đã đồng ý.

Vì thấy bà B tiến hành sửa chữa lại căn nhà bếp trên đất mà bà H đang tranh chấp nên bà H làm đơn khởi kiện bổ sung gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương yêu cầu Tòa án thẩm định và xem xét việc bà B tự ý sửa chữa. Sau khi thụ lý đơn khởi kiện bổ sung đã tiến hành xuống xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp và phần bà B tự ý sửa chữa.

Việc sửa chữa phần nhà bếp này được thực hiện trong thời gian Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý, giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà H và bà B. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương cũng đã có Văn bản trả lời số 48/TA-DS ngày 21/3/2018 gửi UBND phường N về việc phản hồi tiến độ giải quyết vụ án. Trong văn bản này có ghi rõ nội dung: Việc tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất giữa bà H và bà B hiện nay Tòa án đang tiến hành thu thập chứng cứ, sẽ đưa ra xét xử trong thời gian sớm nhất khi đã thu thập đầy đủ chứng cứ. Trường hợp đương sự trong vụ án đến UBND phường N thì UBND phường N giải thích cho đương sự giữ nguyên hiện trạng, không xây dựng, thay đổi hiện trạng tài sản tranh chấp, chờ kết quả của Tòa án.

Việc Chủ tịch UBND thành phố T ký Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 145/QĐ-XPVPHC ngày 12/6/2018 đối với ông A là hoàn toàn trái pháp luật. Bởi lẽ, vụ việc tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà H và bà B đang được Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý giải quyết. Việc bà B tự ý sửa chữa diễn ra trong thời gian Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý, giải quyết. Ông A cho rằng, cùng một sự việc không thể đồng thời cả hai cơ quan nhà nước giải quyết, vì: Nếu ông A chấp hành theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 145/QĐ-XPVPHC ngày 12/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T, thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là buộc tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm với diện tích 17,5 m² thì khi Tòa án giải quyết vụ án dân sự giữa bà H và bà B, nếu bà B là người thắng kiện thì phần tháo dỡ này sẽ giải quyết như thế nào?

Không đồng ý với quyết định nêu trên, ông A khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố T. Ngày 10/9/2018, Chủ tịch UBND thành phố T đã ký ban hành Quyết định số 2702/QĐ-UBND với nội dung bác đơn khiếu nại của ông A, lý do: Không có cơ sở pháp lý để giải quyết.

Xét thấy, Quyết định giải quyết khiếu nại số 2702/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông A. Vì vậy, ông Đặng Huy A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương hủy của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 145/QĐ-XPVPHC ngày 12/6/2018 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2702/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T.

** Người đại diện hợp pháp của người bị kiện, Bà Nguyễn Thu C trình bày:*

Ông Đặng Huy A là chủ sử dụng khu đất có diện tích 720,8m² (trong đó: 160m² đất ở và 560,8m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại phường Phú Thọ, đã được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU 926133 ngày 26/9/2014.

Phần đất này thuộc một phần diện tích được tách ra từ khu đất có tổng diện tích 2522,8 m² (đã trừ hành lang đường bộ), tọa lạc tại khu 3, phường N theo nội dung Bản án sơ thẩm số 98/2005/DS-ST ngày 07/10/2005 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một và Bản án Phúc thẩm số 76/2006/DS-PT ngày 13/4/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án vụ tranh chấp yêu cầu phân chia tài sản chung giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn G, ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị O với bị đơn bà Nguyễn Thị E.

Ngày 14/12/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã thụ lý, giải quyết tranh chấp với nội dung bà Nguyễn Thị H yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Bà Nguyễn Ngọc B, ông Nguyễn Văn Ph với ông Đặng Huy A được Văn phòng công chứng D công chứng số 1468, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/7/2013 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU 926133, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03216 do UBND thành phố T cấp ngày 26/9/2014 cho ông Đặng Huy A đối với khu đất diện tích 720,8m² (160m² đất ở và 560,8m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại phường Phú Thọ. Ngày 26/9/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Bản án số 05/2018/DS-ST, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Ngày 01/11/2017, bà Nguyễn Thị H gửi đơn đến UBND phường N để trình báo, yêu cầu kiểm tra, xử lý việc Bà Nguyễn Ngọc B xây dựng, sửa chữa nhà ở trên khu đất có diện tích 720,8m² (160m² đất ở và 560,8m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại phường Phú Thọ, do đất có tranh chấp. Sau đó, UBND phường N tiến hành kiểm tra thực tế tại khu đất, kết quả cho thấy: Có xảy ra hoạt động xây dựng, sửa chữa nhà ở của Bà Nguyễn Ngọc B, việc xây dựng không có giấy phép, hiện trạng xây dựng: Mới xây dựng phần móng.

Ngày 07/11/2017, UBND phường N mời Bà Nguyễn Ngọc B làm việc và yêu cầu bà B đập bỏ, tự tháo dỡ phần xây dựng sửa chữa để trả lại hiện trạng của khu đất đang tranh chấp. Theo đó, bà B đồng ý sẽ tự tháo dỡ công trình.

Ngày 08/11/2017, UBND phường N xác minh việc tự tháo dỡ của bà B, kết quả: Bà B đã tự tháo dỡ toàn bộ phần xây dựng, sửa chữa. Đến ngày 20/11/2017, bà B gửi đơn đến UBND phường N và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xin được tiếp tục tiến hành sửa chữa nhà ở với lý do trong mùa mưa và khó khăn trong sinh hoạt hàng ngày (con gái bà B mới sinh).

Ngày 23/11/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương phối hợp UBND phường N tiến hành xác minh hiện trạng và công trình xây dựng trên khu đất tranh chấp theo đơn kiến nghị của Bà Nguyễn Ngọc B, kết quả: Hiện trạng là đất trống.

Ngày 04/12/2017, bà Nguyễn Thị H gửi đơn yêu cầu xử lý việc Bà Nguyễn Ngọc B tiếp tục xây dựng sửa chữa trên phần đất tranh chấp.

Ngày 05/12/2017, UBND phường N tiến hành kiểm tra, xác minh thực tế việc xây dựng, sửa chữa tại khu đất 720,8m² thuộc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại phường Phú Thọ, kết quả: Bà B đang thi công xây dựng, sửa chữa trên nền nhà bếp cũ có diện tích 17,5m² (5,3m x 3,3m = 17,5m²) và xây dựng, coi nói thêm với diện tích 11,9m² (3,6m x 3,3m = 11,9m²) nên UBND phường N đã lập biên bản yêu cầu ngưng thi công và tự tháo dỡ phần xây dựng coi nói phát sinh để chờ kết quả giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất của cơ quan Tòa án các cấp thẩm quyền.

Ngày 06/12/2017, UBND phường N tiến hành kiểm tra việc chấp hành tháo dỡ của bà B, kết quả: Bà B đã tự tháo dỡ phần coi nói thêm diện tích mới xây dựng (3,6m x 3,3m = 11,9m²), chưa tháo dỡ phần diện tích 17,5m² (5,3m x 3,3m = 17,5m²) xây dựng, sửa chữa trên nền nhà bếp cũ. Do đó, UBND phường N tiếp tục lập biên bản yêu cầu Bà Nguyễn Ngọc B tháo dỡ toàn bộ phần diện tích đã xây dựng, sửa chữa tại khu đất 720,8m² thuộc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại phường Phú Thọ.

Sau đó, UBND phường N tiếp tục kiểm tra và vận động bà Nguyễn Ngọc B chấp hành tháo dỡ phần diện tích 17,5m² xây dựng, sửa chữa trên nền nhà bếp cũ nhưng bà B vẫn không chấp hành việc tháo dỡ. Vì vậy, căn cứ quy định của pháp luật, UBND phường N tiến hành kiểm tra, xác minh, củng cố hồ sơ để xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng đối với bà Nguyễn Ngọc B về hành vi xây dựng nhà ở không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị.

Tuy nhiên, qua kiểm tra, xác minh cho thấy: Phần đất này ông Đặng Huy A là chủ sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU 926133, sổ vào sổ cấp GCN số CH03216 do UBND thành phố T cấp ngày 26/9/2014. Đồng thời, theo ý kiến trình bày của ông Đặng Huy A tại biên bản hòa giải không thành ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thì hành vi xây dựng mới tại khu đất này là do ông A bỏ tiền ra nhờ bà B xây dựng.

Do đó, UBND phường N tiến hành mời ông Đặng Huy A (mời 03 lần) để làm việc, xử lý đối với công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng đô thị tại khu đất có diện tích 720,8m² thuộc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại phường N nhưng đều không thực hiện được, do không liên lạc được với ông A.

Vì vậy, UBND phường N đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC ngày 06/6/2018 (biên bản vắng mặt chủ sử dụng đất, có sự chứng kiến và ký tên của người làm chứng) và lập Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 06/6/2018 trình Chủ tịch

UBND thành phố T ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động xây dựng theo quy định.

Xét Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 06/6/2018 của UBND phường Phú Thọ, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 145/QĐ-XPVPHC ngày 12/6/2018 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đặng Huy A trong hoạt động xây dựng nhà ở tại khu đất thuộc thửa số 131, tờ bản đồ 22 tọa lạc tại phường Phú Thọ.

Do đó, việc Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 145/QĐ-XPVPHC ngày 12/6/2018 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng đối với ông Đặng Huy A là đúng theo quy định của pháp luật. Không đồng ý với nội dung quyết định, ông A khiếu nại.

Ngày 21/8/2018, Chủ tịch UBND thành phố T đã tiến hành đối thoại với ông Đặng Huy A (do Bà Nguyễn Ngọc B đại diện theo uỷ quyền tham dự) về kết quả thẩm tra, xác minh nội dung khiếu nại Quyết định số 145/QĐ-XPVPHC ngày 12/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Thủ Dầu Một về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đặng Huy A trong hoạt động xây dựng nhà ở tại phường Phú Thọ, thành phố T.

Tại buổi đối thoại, Chủ tịch UBND thành phố đã thông qua kết quả thẩm tra, xác minh đối với nội dung khiếu nại Quyết định số 145/QĐ-XPVPHC ngày 12/6/2018 cho ông Đặng Huy A biết. Đồng thời, đề nghị ông Đặng Huy A cung cấp hồ sơ, tài liệu để chứng minh có tình tiết mới phát sinh so với kết quả thẩm tra, xác minh khiếu nại nêu trên để được xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà Nguyễn Ngọc B không cung cấp được chứng cứ phát sinh mới so với kết quả thẩm tra xác minh khiếu nại nêu trên.

Do đó, việc ông Đặng Huy A khiếu nại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 145/QĐ-XPVPHC ngày 12/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T là không có cơ sở.

Đề nghị TAND tỉnh Bình Dương bác đơn của ông Đặng Huy A khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu: Hủy Quyết định số 145/QĐ-XPVPHC ngày 12/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T về xử phạt vi phạm hành chính; Hủy Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đặng Huy A.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc B trình bày: Thông nhất trình bày của người khởi kiện.*

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung vụ án: Quyết định số 145/QĐ-XPVPHC ngày 12/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T về xử phạt vi phạm hành chính áp dụng không đúng quy định pháp luật; Lập biên bản vi phạm hành chính không đúng thời điểm xảy ra vi phạm, biên bản vi phạm hành chính bị tẩy xóa, sửa ngày, không đúng thành phần tham dự,

người vi phạm không được thông báo để tham dự việc lập biên bản, áp dụng căn cứ xử phạt vi phạm hành chính không đúng quy định pháp luật, Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T có nội dung bác đơn khiếu nại của ông Đặng Huy A, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A.

Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Huy A: Hủy Quyết định số 145/QĐ-XPVPHC ngày 12/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T về xử phạt vi phạm hành chính; Hủy Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đặng Huy A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục: Ngày 04/10/2018, ông Đặng Huy A nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, yêu cầu hủy Quyết định số 145/QĐ-XPVPHC ngày 12/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T về xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đặng Huy A. Căn cứ Điều 116, Điều 118 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính thì đơn khởi kiện của ông Đặng Huy A còn trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Căn cứ các Điều 28, Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011; Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 về việc ủy quyền cho các Phó Chủ tịch UBND thành phố T ký các quyết định thuộc lĩnh vực phân công phụ trách, Phó Chủ tịch UBND thành phố T là Bà Nguyễn Thu C ký thay Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 145/QĐ-XPVPHC ngày 12/6/2018 về xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đặng Huy A là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án, thấy rằng:

[3.1] Ông Đặng Huy A là chủ sử dụng khu đất có diện tích 720,8m² (trong đó: 160m² đất ở và 560,8m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại phường Phú Thọ, đã được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số BU 926133, sổ vào sổ cấp GCN CH03216 ngày 26/9/2014. Hiện tại, phần đất này đang bị tranh chấp theo Bản án số 05/2018/DS-ST ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương

(bản án bị kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm). Đồng thời, phần đất này ông A cho bà Nguyễn Ngọc B thuê để sử dụng.

[3.2] Ngày 20/11/2017, bà B gửi đơn đến UBND phường N xin được tiến hành sửa chữa nhà ở với lý do trong mùa mưa và lý do sinh hoạt hàng ngày (con bà B mới sinh, cần phòng để ở).

[3.3] Ngày 05/12/2017, UBND phường N tiến hành kiểm tra, lập biên bản kiểm tra xác minh về việc xây dựng, sửa chữa nhà trên phần đất tranh chấp. Theo đó, tại thời điểm kiểm tra xác minh, bà B đang thi công xây dựng, sửa chữa nhà trên nền nhà bếp cũ có diện tích $17,5\text{m}^2$ ($5,3\text{m} \times 3,3\text{m} = 17,5\text{m}^2$) và xây dựng, coi nói thêm với diện tích $11,9\text{m}^2$ ($3,6\text{m} \times 3,3\text{m} = 11,9\text{m}^2$). Tại biên bản, thành phần tham dự có yêu cầu bà B ngưng thi công và tự tháo dỡ phần xây dựng mới phát sinh để chờ kết quả giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất của cơ quan Tòa án các cấp thẩm quyền.

[3.4] Ngày 06/12/2017, UBND phường N tiến hành kiểm tra, xác minh việc chấp hành tự tháo dỡ phần xây dựng trên nền đất tranh chấp của bà B, kết quả: Bà B đã tự tháo dỡ phần coi nói thêm diện tích mới xây dựng ($3,6\text{m} \times 3,3\text{m} = 11,9\text{m}^2$), chưa tháo dỡ phần diện tích $17,5\text{m}^2$ ($5,3\text{m} \times 3,3\text{m} = 17,5\text{m}^2$) xây dựng, sửa chữa trên nền nhà bếp cũ.

[3.5] Theo quy định tại Khoản 10 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở: *“Hành vi quy định tại Khoản 3, Khoản 5, Khoản 6 và Khoản 7 Điều này mà không thuộc trường hợp xử lý theo quy định tại Khoản 9 Điều này thì bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 180/2007/NĐ-CP”*. Tại Điều 12 Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị quy định: *“1. Những công trình xây dựng theo quy định phải có Giấy phép xây dựng, khi xây dựng không có Giấy phép xây dựng, trừ những trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này phải bị xử lý như sau:*

a) Lập biên bản ngừng thi công xây dựng, yêu cầu chủ đầu tư tự phá dỡ công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng đô thị;

b) Trường hợp chủ đầu tư không ngừng thi công xây dựng phải bị đình chỉ thi công xây dựng, buộc phá dỡ công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng đô thị; đồng thời, áp dụng các biện pháp ngừng cung cấp các dịch vụ điện, nước và các dịch vụ khác liên quan đến xây dựng công trình; cấm các phương tiện vận tải chuyên chở vật tư, vật liệu, công nhân vào thi công xây dựng;

c) Cưỡng chế phá dỡ nếu chủ đầu tư không thực hiện quyết định đình chỉ thi công xây dựng. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về toàn bộ chi phí lập phương án phá dỡ (nếu có) và chi phí tổ chức cưỡng chế phá dỡ.”

Tại Thông tư số 02/2014/TT-BXD ngày 12/02/2014 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở quy định:

“Điều 2. Về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm

1. Việc áp dụng quy định tại Khoản 10 Điều 13 ... của Nghị định số 121/2013/NĐ-CP theo trình tự như sau:

a) Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính, người có thẩm quyền quy định tại Điều 59 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP có trách nhiệm lập biên bản như sau: hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện thì lập biên bản theo Mẫu biên bản số 01... ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi lập biên bản, tổ chức, cá nhân vẫn tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm thì người có thẩm quyền ... có trách nhiệm ban hành quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm theo Phụ lục II, Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 180/2007/NĐ-CP;

c) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính (trừ trường hợp vụ việc phức tạp theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính), người có thẩm quyền xử phạt hành chính có trách nhiệm ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính ...;”.

Như vậy, ngày 05/12/2017, UBND phường N kiểm tra phát hiện bà B đang thi công xây dựng công trình nhưng không lập biên bản theo đúng “Mẫu biên bản số 01” của Thông tư số 02/2014/TT-BXD ngày 12/02/2014 của Bộ Xây dựng. Ngày 06/12/2017, UBND phường N tiến hành kiểm tra công trình xây dựng của bà B, kết quả: Bà B đã tự tháo dỡ phần cốt lõi mới xây dựng ($3,6m \times 3,3m = 11,9m^2$), chưa tháo dỡ phần diện tích $17,5m^2$ ($5,3m \times 3,3m = 17,5m^2$) xây dựng, sửa chữa trên nền nhà bếp cũ, nhưng Chủ tịch UBND phường N không ban hành quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm là không đúng quy định pháp luật.

[3.6] Mặt khác, UBND phường N phát hiện hành vi vi phạm từ ngày 05/12/2017 nhưng đến ngày 06/6/2018 mới lập biên bản vi phạm hành chính là không đúng quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính: “1. Khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản”. Đồng thời, tại Khoản 3 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: “...Biên bản vi phạm hành chính lập xong phải giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính 01 bản; ...”. Biên bản vi phạm hành chính ngày 06/6/2018 thể hiện người vi phạm là ông Đặng Huy A vắng mặt nhưng UBND

phường N không thực hiện thủ tục giao biên bản vi phạm hành chính cho ông A là không đúng quy định.

[3.7] Ngoài ra, căn cứ đề ban hành Quyết định số 145/QĐ-XPVPHC ngày 12/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T là Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 06/6/2018 và Biên bản vi phạm hành chính ngày 06/6/2018 của UBND phường Phú Thọ. Tuy nhiên, tại Tờ trình số 53/TTr-UBND có nội dung: *“Căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC ngày 05/6/2018...”*, nhưng trong hồ sơ người bị kiện cung cấp không có biên bản vi phạm hành chính ngày 05/6/2018. Đồng thời, biên bản vi phạm hành chính ngày 06/6/2018 có tẩy xóa về ngày lập biên bản. Như vậy, căn cứ để lập Tờ trình số 53 là không có cơ sở.

[3.8] Thời điểm phát hiện hành vi xây dựng, sửa chữa nhà trên nền nhà bếp cũ của bà B (ngày 05/12/2017) được điều chỉnh bởi Nghị định số 121/2013/NĐ-CP nhưng đến ngày 12/6/2018, Chủ tịch UBND thành phố T căn cứ vào Nghị định số 139/2017/NĐ-CP (Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15/01/2018, thay thế Nghị định số 121/2013/NĐ-CP) để ban hành quyết định xử lý vi phạm hành chính là không đúng quy định tại Khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015: *“Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực...”*.

[4] Do Quyết định số 145/QĐ-XPVPHC ngày 12/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T ban hành không đúng quy định pháp luật nên Quyết định giải quyết khiếu nại số 2702/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T, bác quyết đơn khiếu nại của ông Đặng Huy A là không có cơ sở.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện ông Đặng Huy A, hủy Quyết định số 145/QĐ-XPVPHC ngày 12/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T về xử phạt vi phạm hành chính và hủy Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đặng Huy A.

[6] Chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên về những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung vụ án: Chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên đối với nhận định, Quyết định số 145/QĐ-XPVPHC ngày 12/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T về xử phạt vi phạm hành chính áp dụng không đúng quy định pháp luật; Lập biên bản vi phạm hành chính không đúng thời điểm xảy ra vi phạm, biên bản vi phạm hành chính bị tẩy xóa, sửa ngày, không đúng thành phần tham dự, người vi phạm không được thông báo để tham dự việc lập biên bản, áp dụng căn cứ xử phạt vi phạm hành chính không đúng quy định pháp luật, Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T có nội dung bác đơn khiếu nại của ông Đặng Huy A, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, hủy Quyết định số 145/QĐ-XPVPHC ngày 12/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T về xử phạt vi phạm hành

chính; Hủy Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đặng Huy A.

[7] Về án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30; 32; 55; 98; 115; 116; 134; Khoản 1 Điều 158; Điều 164; Điểm b Khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Huy A, hủy các quyết định hành chính sau:

- Hủy Quyết định số 145/QĐ-XPVPHC ngày 12/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T về xử phạt vi phạm hành chính.

- Hủy Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đặng Huy A.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch UBND thành phố T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Đặng Huy A số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0026845 ngày 10/10/2018 của Cục Thi hành dân sự tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- | | |
|-----------------------------|----|
| - Các đương sự | 5; |
| - VKSND tỉnh Bình Dương | 1; |
| - Cục THADS tỉnh Bình Dương | 1; |
| - Lưu: HSPA, Tổ HCTP | 3. |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Luật